

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 29/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 31/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 13/3/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số B, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm vườn; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Quang C**, sinh năm 1963 (đã chết) và bà **Trần Thị B**, sinh năm 1966; bị cáo không có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: **Nguyễn Trường A**, sinh ngày 04/8/2006; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

2. **Phan Thị C1**, sinh năm 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Phan Tuấn L1**, sinh năm 1985; nơi cư trú: **số A, ấp C, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 08/7/2023, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô Biển số 59P1-786.25 đi từ xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre đến Nhà cho thuê tháng Số C, Khu phố C, phường P, thành phố B để tìm bạn tên H (không rõ họ tên đầy đủ, không rõ địa chỉ) nhưng không gặp được người tên H. T thấy xe mô tô Biển số 71B3-031.88, hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ - đen của Nguyễn Trường A dựng trước cửa Phòng số 03 không khóa cổ, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô Biển số 71B3-031.88. Để thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản, T điều khiển xe mô tô Biển số 59P1-786.25 chạy vào bên trong Sân vận động tỉnh B, T để xe mô tô ở đây rồi đi bộ vào Nhà cho thuê tháng Số 320A1 lấy trộm xe mô tô Biển số 71B3-031.88 dẫn ra ngoài đầu lộ. T ghé vào nhà người dân mượn tua vít tháo cánh búng xe, bứt dây nguồn khởi động xe. T điều khiển xe mô tô Biển số 71B3-031.88 chạy về hướng huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi đến địa phận xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị Lực lượng Công an phát hiện yêu cầu T về trụ sở Công an xã T làm việc. Tại Công an xã T, Nguyễn Minh T đã khai nhận xe mô tô Biển số 71B3-031.88 là xe do T trộm của người khác.

Công an xã T tạm giữ tang vật: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ - đen, Biển số 71B3-031.88, số máy 5C6J224285, số khung C6J0GY224287 và giấy đăng ký xe; 01 (Một) xe mô tô kiểu dáng DREAM, không rõ nhãn hiệu, màu nâu, Biển số 59P1-786.25, số máy IP50FNG-320257798, đã qua sử dụng; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 094056, tên chủ xe Nguyễn Ngọc L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 576/KL-HĐĐG ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ - đen, Biển số 71B3-031.88, số máy 5C6J224285, số khung C6J0GY224287, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản ngày 08/7/2023 là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô Biển số 71B3-031.88 và giấy đăng ký xe cho Nguyễn Ngọc L (cha ruột bị hại Nguyễn Trường A). Bị hại Nguyễn Trường A và ông L không yêu cầu gì khác. Đối với xe mô tô Biển số 59P1-786.25, bị cáo Nguyễn Minh T mua trên mạng xã hội do không rõ nguồn gốc, chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ, xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Tại cáo trạng số 14/CT-VKSTPBT ngày 30/01/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 đến 02 năm.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô Biển số 71B3-031.88 và giấy đăng ký xe cho Nguyễn Ngọc L (cha ruột bị hại Nguyễn Trường A). Bị hại Nguyễn Trường A và ông L không yêu cầu gì khác. Đối với xe mô tô Biển số 59P1-786.25, bị cáo Nguyễn Minh T mua trên mạng xã hội do không rõ nguồn gốc, chưa xác định được chủ sở hữu nên giao Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thì bị hại là người dưới 18 tuổi phải có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng nên Tòa án không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 19 giờ 00 phút ngày 08/7/2023, tại nhà cho thuê tháng số C, khu phố C, phường P, thành phố B, Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ - đen, Biển số 71B3-031.88 của bị hại Nguyễn Trường A với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị

cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 9.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là không cần thiết, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình quản lý cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 xe mô tô Biển số 71B3-031.88 và giấy đăng ký xe cho Nguyễn Ngọc L (cha ruột bị hại Nguyễn Trường A). Bị hại Nguyễn Trường A và ông L không yêu cầu gì khác. Đối với xe mô tô Biển số 59P1-786.25, bị cáo Nguyễn Minh T mua trên mạng xã hội do không rõ nguồn gốc, chưa xác định được chủ sở hữu nên giao Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Minh T** cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Giao Cơ quan điều tra **Công an thành phố B** 01 xe mô tô Biển số 59P1-786.25 để xác minh làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật. *Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.*

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Minh T** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã An Phước, H. Châu Thành, T.BT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình